

UBND TỈNH BẾN TRE
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Số: 144/KH-CTTL

MST: 1300100790

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2019

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm 2018

- Nhiệm vụ quản lý khai thác các công trình thủy lợi trong năm 2018 với sự phối hợp đồng bộ cùng địa phương, các hệ thống công trình đảm bảo vận hành và điều tiết nước tưới, tiêu hợp lý, thực hiện biện pháp vừa trừ ngọt kết hợp ngăn mặn, triển khai đồng bộ công tác đo mặn tại các công trình cống đầu mối.

- Trong mùa mặn các công trình đảm bảo hạn chế thấp nhất thiệt hại do xâm nhập mặn, thực hiện công tác đo mặn tại các cống đầu mối và các vị trí đầu nguồn nước hàng ngày để có kế hoạch vận hành tưới tiêu phù hợp thực tế, tích cực thực hiện các giải pháp đồng bộ trong vận hành công trình nhằm hạn chế mặn xâm nhập nội đồng, thường xuyên kết hợp chặt chẽ các địa phương thăm đồng và vận hành công trình đã cung ứng cho các nhà máy nước sinh hoạt nông thôn và diện tích lúa vụ Đông Xuân 2017 - 2018 ngoài kế hoạch đến cuối vụ và thu hoạch đạt năng suất khá cao.

- Trong mùa mưa, lũ, triều cường các công trình đảm bảo vận hành tốt việc tưới, tiêu cho diện tích lúa vụ Hè Thu; Mùa, Thu Đông năm 2018 và các loại cây trồng khác, đảm bảo tiêu thoát nước nhanh và kịp thời vào những thời điểm mưa nhiều kết hợp triều cường, không để ngập úng xảy ra ảnh hưởng sản xuất.

- Kế hoạch vận hành các công trình cống được thống nhất với UBND các huyện, thành phố để thực hiện. Riêng Cống đập Ba Lai thực hiện lịch vận hành được thống nhất giữa Công ty và UBND các huyện Ba Tri, Bình Đại, Giồng Trôm.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2018

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính: Diện tích cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là **118.433/95.556** ha, đạt 124%.

Trong đó:

- + Lúa vụ Đông Xuân: 13.722,18 ha
- + Lúa vụ Hè Thu: 14.423,85 ha
- + Lúa vụ Mùa, Thu Đông: 22.176,86 ha
- + Rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày: 5.485,74 ha
- + Cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày: 53.557,26ha
- + Nuôi thủy sản: 8.071,08 ha
- + Làm muối: 996,00 ha

- Doanh thu từ nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: **68,180/53,360 tỷ đồng**, đạt 128%

- Lợi nhuận: không.

- Nộp ngân sách: không.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

- Đánh giá, dự báo, nhận định về tình hình, những yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp: Tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng, nguồn nước có xu hướng giảm vào mùa khô, ảnh hưởng hạn hán, xâm nhập mặn, hệ thống công trình thủy lợi đầu tư chưa đồng bộ, chưa khép kín, làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt nông thôn.

- Mục tiêu, định hướng phát triển của năm 2019: Tiếp tục là một doanh nghiệp Nhà nước, hoạt động vì mục tiêu công ích với nhiệm vụ quản lý khai thác, cải tạo, sửa chữa nâng cấp các hệ thống công trình thủy lợi trong tỉnh đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt nông thôn.

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính: Diện tích cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là **118.513,32 ha**. Trong đó:

+ Lúa vụ Đông Xuân: 13.841,67 ha

+ Lúa vụ Hè Thu: 14.468,77 ha

+ Lúa vụ Mùa, Thu Đông: 21.994,78 ha

+ Rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày: 5.367,44 ha

+ Cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày: 53.846,69 ha

+ Nuôi thủy sản: 7.997,78 ha

+ Làm muối: 996,00 ha

- Doanh thu từ nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: **71,542 tỷ đồng**.

- Lợi nhuận: không.

- Nộp ngân sách: không.

2. Kế hoạch đầu tư sửa chữa các công trình thủy lợi

- Kế hoạch đầu tư các dự án sửa chữa công trình thủy lợi cả năm (dự kiến): **62,20 tỷ đồng**.

- Kết quả thực hiện đầu tư cả năm (dự kiến): *Đạt 100% kế hoạch.*

3. Các giải pháp thực hiện

- Giải pháp về tài chính

+ Đảm bảo quản lý và sử dụng tốt nguồn vốn và tài sản được Chủ sở hữu phân giao, công khai tài chính rõ ràng, minh bạch, giải quyết kịp thời và đầy đủ các chế độ chính sách tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp ... cho CBCNV.

+ Triển khai nguồn vốn đầu tư sửa chữa công trình thủy lợi từ nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí đúng mục tiêu, đúng quy định quản lý dự án đầu tư xây dựng và luôn thực hành tiết kiệm.

+ Công tác tài chính kế toán tại đơn vị thực hiện đúng nguyên tắc, Luật doanh nghiệp nhà nước và pháp luật về kế toán, thống kê, thường xuyên tổ chức kiểm tra, thực hiện thanh toán các chi phí theo đúng quy định.

- Giải pháp về phục vụ sản xuất

+ Thực hiện đo độ mặn các công trình đầu mối, kiểm soát được độ mặn nội đồng, kết hợp cấp nước sản xuất, cũng như tiêu nước phục vụ sản xuất lúa các vụ trong năm.

+ Tăng khả năng trữ nước tưới, thoát nước nhanh phục vụ sản xuất nông nghiệp dân sinh trong toàn tỉnh; phòng chống lũ, ngập úng và xâm nhập mặn. Kết hợp phát triển giao thông thủy bộ nông thôn và vận chuyển hàng hóa cho nhân dân trong vùng.

+ Nạo vét thông thoáng hệ thống kênh mương tăng cường yêu cầu dẫn nước, tiêu thoát nhanh khi có mưa bão, các hệ thống cống đầu mối đáp ứng vận hành an toàn và đồng bộ, sửa chữa nâng cấp các công trình cống, các bờ bao cục bộ ngăn lũ, triều cường và xâm nhập mặn.

- Giải pháp về nguồn nhân lực

+ Tiếp tục đào tạo cho đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo phục vụ cho công tác quản lý khai thác.

+ Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý thủy nông nhằm nâng cao trình độ cho công nhân trực tiếp quản lý các hệ thống công trình cống, tăng cường hiệu quả quản lý và hoạt động quản lý khai thác.

+ Từng lúc tùy theo số lượng, quy mô các hệ thống công trình trong tỉnh Công ty tiếp nhận nhân viên hoặc công nhân quản lý cống để quản lý và khai thác, Công ty sẽ có kế hoạch tuyển và bổ sung cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ thủy lợi, công nhân kỹ thuật chuyên ngành về cơ khí, điện tại các Trạm đáp ứng yêu cầu thực tế.

- Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

Ứng dụng tiến bộ, khoa học công nghệ, từng bước hiện đại hoá trang thiết bị quản lý phục vụ trong công tác quản lý khai thác như: Thực hiện cập nhật lưu trữ số liệu đo mặn, thủy văn, theo dõi quản lý công trình có hệ thống và khoa học để phục vụ công tác quản lý vận hành, cải tạo nâng cấp hệ thống tưới quay vận hành đóng mở cống bằng thủ công sang vận hành bằng điện.

- Giải pháp về quản lý và điều hành

+ Tiếp tục tập trung công tác phục vụ sản xuất, quản lý và khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi trong tỉnh nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế.

+ Xây dựng phương án quản lý các hệ thống công trình thủy lợi, đảm bảo việc vận hành đồng bộ cho các hệ thống công trình đầu mối phục vụ yêu cầu ngăn mặn, trữ ngọt, chủ động công tác điều tiết nước tưới, tiêu hợp lý.

+ Tăng cường quản lý tốt mặt bằng các công trình thủy lợi và hành lang bảo vệ công trình trên cơ sở thực thi Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, kiến nghị xử phạt trường hợp vi phạm, giải quyết dứt điểm các trường hợp lấn chiếm mặt bằng công trình còn tồn đọng trong các năm qua.

**BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu (<i>Diện tích cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi</i>).	Ha	118.513,32
	<i>Lúa vụ Đông Xuân</i>	ha	13.841,67
	<i>Lúa vụ Hè Thu</i>	ha	14.468,77
	<i>Lúa vụ Mùa, Thu Đông</i>		21.994,78
	<i>Rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày</i>	ha	5.367,44
	<i>Cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày</i>	ha	53.846,69
	<i>Nuôi thủy sản</i>	ha	7.997,98
	<i>Đất làm muối</i>	ha	996,00
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Ha	118.513,32
3	Doanh thu	Tỷ đồng	71,542
4	Lợi nhuận	Tỷ đồng	Không
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	Không
6	Tổng vốn đầu tư sửa chữa công trình thủy lợi	Tỷ đồng	62,20
7	Kim ngạch xuất khẩu (<i>nếu có</i>)	1.000 USD	Không
8	Các chỉ tiêu khác		Không

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- VP. UBND tỉnh Bến Tre;
- TT-TT Điện tử UBND tỉnh Bến Tre;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Bến Tre;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC 



Nguyễn Văn Ngân